

## [Giải mã những ký hiệu trên Thẻ bảo hiểm y tế - VnExpress](#)

Giải mã những ký hiệu trên Thẻ bảo hiểm y tế

Đọc Thẻ bảo hiểm y tế có thể biết bạn làm việc ở ngành nghề nào, mức hưởng hỗ trợ thanh toán, nơi sinh sống và bệnh viện đăng ký điều trị... ra sao.

Điều 2 Quyết định 1314/QĐ-BHXH quy định về cấu trúc mã thẻ bảo hiểm y tế như sau:

Mã thẻ bảo hiểm y tế gồm 15 ký tự, chia thành 6 ô:

XX    X    XX    XX    XXX    XXXXX

Hai ký tự đầu (ô thứ nhất): Được ký hiệu bằng chữ, là mã đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, bao gồm:

- DN: Người lao động làm việc trong các doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư.
- HX: Người lao động làm việc trong các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã.
- CH: Người lao động làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức xã hội khác.
- NN: Người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tại Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên tham gia có quy định khác.
- TK: Người lao động làm việc trong các tổ chức khác có sử dụng lao động được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.
- HC: Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

- XK: Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

- HT: Người hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng;

- TB: Người đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng do bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

- NO: Người lao động nghỉ việc đang hưởng chế độ ốm đau theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội do mắc bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế;

- CT: Người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng;

- XB: Cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng;

- TN: Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp;

- CS: Công nhân cao su nghỉ việc đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 206/CP ngày 30/5/1979 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về chính sách đối với công nhân mới giải phóng làm nghề nặng nhọc, có hại sức khỏe nay già yếu phải thôi việc;

- QN: Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ quân đội đang tại ngũ; người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân; học viên cơ yếu được hưởng chế độ, chính sách theo chế độ, chính sách đối với học viên ở các trường quân đội;

- CA: Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ và sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn, kỹ thuật đang công tác trong lực lượng công an nhân dân, học viên công an nhân dân, hạ sĩ quan, chiến sỹ phục vụ có thời hạn trong công an nhân dân; học viên cơ yếu được hưởng chế độ, chính sách theo chế độ, chính sách đối với học viên ở các trường công an;

- CY: Người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân do các Bộ, Ngành và Ủy ban nhân dân các cấp quản lý, trừ người làm công tác cơ yếu được cấp mã đối tượng QN và CA;

- XN: Cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc đang hưởng trợ cấp hàng tháng từ Ngân sách Nhà nước;

giai-ma-nhung-ky-hieu-tren-the-bao-hiem-y-te

Mã thẻ bảo hiểm có 15 ký tự, được chia thành 6 ô.

- MS: Người đã thôi hưởng trợ cấp mất sức lao động đang hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước;

- CC: Người có công với cách mạng, bao gồm: Người hoạt động cách mạng trước ngày 1/1/1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 1/1/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng 8/1945; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

- CK: Người có công với cách mạng theo quy định pháp luật về người có công với cách mạng, trừ các đối tượng được cấp mã CC;

- CB: Cựu chiến binh theo quy định pháp luật về cựu chiến binh;

- KC: Người tham gia kháng chiến theo quy định pháp luật về người có công với cách mạng được quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- HD: Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đương nhiệm;

- TE: Trẻ em dưới 6 tuổi, kể cả trẻ đủ 72 tháng tuổi mà trong năm đó chưa đến kỳ nhập học;

- BT: Người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng theo quy định của pháp luật;

- HN: Người thuộc hộ gia đình nghèo;

- DT: Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn;

- DK: Người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;
  
- XD: Người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo;
  
- TS: Thân nhân của người có công với cách mạng là cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con của liệt sỹ; người có công nuôi dưỡng liệt sỹ;
  
- TC: Thân nhân của người có công với cách mạng, trừ các đối tượng được cấp mã TS;
  
- TQ: Thân nhân của đối tượng được cấp mã QN;
  
- TA: Thân nhân của đối tượng được cấp mã CA;
  
- TY: Thân nhân của đối tượng được cấp mã CY;
  
- HG: Người đã hiến bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật;
  
- LS: Người nước ngoài đang học tập tại Việt Nam được cấp học bổng từ Ngân sách của Nhà nước Việt Nam;
  
- CN: Người thuộc hộ gia đình cận nghèo;
  
- HS: Học sinh đang theo học tại các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;
  
- SV: Sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở dạy nghề thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;
  
- GB: Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của pháp luật;

- GD: Người tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình gồm những người thuộc hộ gia đình, trừ đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d nêu trên.

Ký tự tiếp theo (ô thứ 2): Được ký hiệu bằng số (theo số thứ tự từ 1 đến 5) là mức hưởng bảo hiểm y tế.

Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng tham gia bảo hiểm y tế thì mức hưởng bảo hiểm y tế ghi trên thẻ là mức hưởng của đối tượng có quyền lợi cao nhất.

Hai ký tự tiếp theo (ô thứ 3): Được ký hiệu bằng số (từ 01 đến 99) là mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi phát hành thẻ bảo hiểm y tế.

Riêng mã của bảo hiểm xã hội của Bộ Quốc phòng được ký hiệu bằng số 97, Công an nhân dân được ký hiệu bằng số 98.

Hai ký tự tiếp theo (ô thứ 4): Được ký hiệu bằng số (từ 00 đến 99) hoặc bằng chữ (theo bảng chữ cái latin, từ AA đến ZZ) hoặc bằng tổ hợp giữa số và chữ, là mã quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, nơi quản lý và phát hành thẻ bảo hiểm y tế.

Ba ký tự tiếp theo (ô thứ 5): Được ký hiệu bằng số (từ 001 đến 999) là mã đơn vị quản lý, theo địa giới hành chính và theo loại đối tượng. Trong đó, đối tượng do xã quản lý lấy ký tự đầu ký hiệu bằng số 9 (901, 999).

Năm ký tự cuối (ô thứ 6): Được ký hiệu bằng số (theo số tự nhiên từ 00001 đến 99999), là số thứ tự của người tham gia bảo hiểm y tế trong 1 đơn vị.

Mã cơ sở khám chữa bệnh được thể hiện bằng 5 ký tự số in sau nơi đăng ký khám chữa bệnh được hiểu như sau: Hai ký tự đầu được ký hiệu bằng số (từ 01 đến 99) là mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi cơ sở khám chữa bệnh ban đầu đóng trụ sở. Ba ký tự cuối được ký hiệu bằng số (từ 001 đến 999) hoặc bằng tổ hợp giữa số và chữ, là số thứ tự cơ sở khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Mã nơi đối tượng sinh sống được thể hiện bằng hai ký tự, ký hiệu gồm cả chữ và số tại điều 4, cụ thể:

Ký hiệu K1 là mã nơi người dân tộc thiểu số và người thuộc hộ gia đình nghèo tham gia bảo hiểm y tế, đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật.

Ký hiệu K2 là mã nơi người dân tộc thiểu số và người thuộc hộ gia đình nghèo tham gia bảo hiểm y tế, đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

Ký hiệu K3 là mã nơi người tham gia bảo hiểm y tế đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo theo quy định của pháp luật.

Thục Linh

